

Bản án số:66/2024/DS-PT.

Ngày: 08 – 4 - 2024.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Triệu Hữu

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2024/QĐ – PT ngày 13/3/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Lệ Th**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp T, xã Q, huyện L, tỉnh V.

-Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu dân cư Ấp T, xã Q, huyện L, tỉnh V.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Th trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 26/01/2021 ông Nguyễn Quốc T có mượn của tôi số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và hẹn trong 30 ngày trả lại. Ông T có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY465427 cấp ngày 18/11/2020 do ông T đứng tên sử dụng(có biên nhận của ông T). Nhưng đến ngày hẹn ông T không trả nợ mà bỏ trốn cho đến nay trên 2 năm, không liên lạc được. Tôi có đến gặp gia đình ông T thì mẹ và anh ông T không thừa nhận mà yêu cầu tôi tìm ông T giải quyết. Tôi có nhờ áp hòa giải thì gia đình ông T không đến giải quyết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả lại cho tôi số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và chịu lãi suất theo quy định từ ngày mượn tiền cho đến nay.Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Quốc T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản trả lời ý kiến theo thông báo về việc thụ lý vụ án, cũng như không tham dự phiên hòa giải.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V đã quyết định.*

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 143, 144,147, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 463, Điều 464, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Th, buộc bị đơn Nguyễn Quốc T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Th số tiền gốc là 80.000.000đồng và 17.264.000đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 97.264.000đồng.

Sau khi bị đơn thanh toán xong nợ cho nguyên đơn, thì nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Hộ Ông Nguyễn Quốc

Tuấn, năm sinh 1984, CMND số 331376432, Địa chỉ thường trú: ấp H, xã T, huyện B, tỉnh V và một giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Quốc T, số 331376432, cấp ngày 12/12/2016.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong đối với số tiền gốc, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 16/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện L có quyết định kháng nghị số 442/QĐ – VKS – DS ngày 16/11/2023 kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 118/2023/DSST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V với nội dung:

1. Bản án sơ thẩm không áp dụng khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự là thiếu sót. Vì hợp đồng vay giữa bà Th và anh T thể hiện bằng tờ “Giấy mượn tiền” không thể hiện thời hạn trả nợ và lãi suất nhưng bản án không viện dẫn Điều 469.

2. Theo qui định tại khoản 4 Điều 466 bộ luật dân sự năm 2015 “Trường hợp vay không có lãi mà đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp có thỏa thuận khác ” Do đó buộc bị đơn trả lãi suất từ ngày 07/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm mới đúng qui định tại khoản 4 Điều 446 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

3. Các bên không có lập hợp đồng thế chấp , không có đăng ký theo qui định tại điểm a khoản 3 Điều 95 luật đất đai nên không được quyền giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi anh T Chưa trả nợ xong. Đối với giấy chứng minh nhân dân là giấy tờ tùy thân của cá nhân anh T không phải là tài sản để thế chấp. Do đó buộc nguyên đơn phải trả lại anh Nguyễn Quốc T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Quốc T. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về nội dung và phần án phí sơ thẩm..

Ngày 23/11/2023 nguyên đơn Trần Thị Lệ Th có đơn yêu cầu được rút lại yêu cầu tính lãi đối với bị đơn Nguyễn Quốc T tại bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

+ Về nội dung:

Nguyên đơn Trần Thị Lệ Th tự nguyện trả cho bị đơn một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Hộ ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1984, CMND số 331376432 và giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Quốc T, số 331376432, cấp ngày 12/12/2016.". Thì Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 442/QĐ-VKS-DS ngày 16/11/2023 của VT-VKSND huyện L là đúng qui định pháp luật nhưng do diễn biến phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn tự nguyện trả giấy cho bị đơn nên Viện kiểm sát thay đổi một phần nội dung kháng nghị trong phạm vi kháng nghị ban đầu ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Trần Thị Lệ Th trả giấy chứng nhận và giấy chứng minh có tên bị đơn Nguyễn Quốc T làm cơ sở để cấp phúc thẩm sửa một phần nội dung bản án sơ thẩm .

Riêng đối với nội dung kháng nghị về thời gian tính lãi với số tiền lãi 17.264.000 đồng nguyên đơn Trần Thị Lệ Th đã có đơn xin rút lại một phần yêu cầu. Xét việc nguyên đơn tự nguyện rút đối với số tiền lãi 17.264.000 đồng nên cần hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm. Do vậy nội dung kháng nghị số tiền lãi không còn phù hợp nên kiểm sát viên rút một phần nội dung kháng nghị trên theo Khoản 3 Điều 298 Bộ Luật TTDS 2015 đình chỉ giải quyết một phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ đối với số tiền lãi 17.264.000 đồng. Sửa một phần nội dung bản án sơ thẩm, chỉ buộc bị đơn trả số tiền vốn 80.000.000 đồng do thay đổi nghĩa vụ, nên nghĩa vụ phải chịu *án phí dân sự sơ thẩm* thay đổi bị đơn Tuấn phải chịu số tiền 4.000.000 đồng (= 80.000.000 đồng x 5%).

Từ những phân tích trên quan điểm của Kiểm sát viên.

Áp dụng khoản 2, 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm. Đình chỉ một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L. Sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 442/QĐ-VKS-DS ngày 16/11/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 118/2022/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 264, 266 khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 463, Điều 464, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Lệ Th, buộc bị đơn Nguyễn Quốc T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Th số tiền gốc là 80.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Trần Thị Lệ Th phải trả lại cho bị đơn Nguyễn Quốc T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Hộ ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1984, CMND số 331376432. Địa chỉ thường trú: ấp ấp H, xã T, huyện B, tỉnh V và giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Quốc T, số 331376432, cấp ngày 12/12/2016.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn T phải chịu số tiền 4.000.000 đồng theo quy định. Các nội dung khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Không có, do các đương sự không kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 29/9/2023 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử và tuyên án sơ thẩm. Ngày 16/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện L kháng nghị Bản án số 118/2023/DSST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V; theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Th yêu cầu bị đơn Trần Quốc T trả số tiền gốc 80.000.000đ và lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày mượn tiền theo “giấy mượn tiền ngày 26/01/2021” (bút lục 40).

Xét việc vay mượn tiền là do bị đơn vay và có giao cho nguyên đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Quốc T. Cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn số tiền tổng cộng 97.264.000đ (trong đó vốn là 80.000.000đ lãi là 17.264.000đ). Xét việc áp dụng thời hạn tính lãi của cấp sơ thẩm là chưa đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn không có kháng cáo nhưng Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm. Trước khi xét xử phúc thẩm thì nguyên đơn có đơn yêu cầu xin rút lại phần tính lãi suất đối với bị đơn và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng tự nguyện rút lại phần tính lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả nguyên đơn số nợ vay và lãi suất và tuyên sau khi bị đơn trả xong số tiền nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả bị đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ Nguyễn Quốc T và 01 giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Quốc T là đảm bảo quyền và lợi ích cho phía nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý giao nộp cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Hộ ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1984, CMND số 331376432 và giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Quốc T, số 331376432, cấp ngày 12/12/2016 là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long rút lại một phần nội dung kháng nghị về lãi suất do nguyên đơn rút nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên:

Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần nội dung kháng nghị về lãi suất Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đã rút.

[3] Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm được tính lại. Bị đơn Nguyễn Quốc T phải chịu số tiền 4.000.000 đồng (= 80.000.000 đồng x 5%).

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 3, 5 Điều 308; khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm và Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần nội dung kháng nghị về lãi suất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 463, Điều 464, Điều 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Th, buộc bị đơn Nguyễn Quốc T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Th số tiền gốc là 80.000.000 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc giao nộp cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Hộ Ông Nguyễn Quốc T, năm sinh 1984, CMND số 331376432, Địa chỉ thường trú: ấp H, xã T, huyện B, tỉnh V và một giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Quốc T, số 331376432, cấp ngày 12/12/2016.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong đối với số tiền gốc, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/. Về án phí: Buộc bị đơn Nguyễn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.000.000 đồng.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh V: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND H. L: 01b;
- Chi cục THADS L: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Lạc

